

KHỞ NGHĨA TRÀ BÔNG

MỐC MỞ ĐẦU TRANG SỬ ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ KẾT HỢP VỚI ĐẤU TRANH VŨ TRANG CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI

ĐINH QUANG HẢI*

1. Bối cảnh tình hình miền Nam sau năm 1954

3 giờ 50 phút sáng ngày 21-7-1954, Hiệp định Genève về chiến tranh Đông Dương được ký kết. Cuộc chiến tranh Đông Dương kết thúc. Theo Hiệp định, Việt Nam tạm thời chia làm hai miền trong khi chờ đợi thống nhất lại thông qua tổng tuyển cử dự định vào năm 1956.

Ngay sau khi Hiệp định Genève vừa ký kết, Mỹ - Diệm đã tìm mọi cách phá hoại Hiệp định, phá hoại công cuộc thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam. Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ viết: "... Các bị vong lục của Hội đồng An ninh Quốc gia và các bức điện của Bộ Ngoại giao cho thấy Chính quyền Eisenhower muốn hoãn cuộc tuyển cử càng lâu càng tốt" (1). Nhất là từ giữa năm 1955, khi Pháp tuyên bố chấm dứt chế độ Cao ủy ở miền Nam Việt Nam, Chính quyền Diệm đã đẩy mạnh việc thanh trừng nội bộ, trấn áp những lực lượng chống đối, gạt những tướng lĩnh thân Pháp ra khỏi các vị trí chỉ huy quân đội, đưa người của Diệm vào chỉ huy quân

ngụy; đồng thời cho quân tấn công tiêu diệt lực lượng Bình Xuyên và làm tan rã lực lượng vũ trang của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo.

Tháng 10-1955, Diệm truất ngôi Bảo Đại và sau đó cắt đứt quan hệ kinh tế với Pháp, bỏ Liên hiệp Pháp và tuyên bố thành lập "Việt Nam cộng hòa". Đến đây, những di tích chính thức của chế độ thuộc địa Pháp đã bị xóa sạch.

Với sự ủng hộ của Mỹ, Ngô Đình Diệm đã củng cố trật tự chính trị theo một kiểu riêng bằng cách làm cho gia đình Diệm trở thành hạt nhân của cơ cấu chính trị, là trung tâm của quyền lực. Diệm và người thân trong gia đình nắm giữ các Bộ và các vị trí quan trọng trong chính quyền để thao túng mọi chuyện. Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ viết: "... Diệm "độc đoán, cứng nhắc và xa quần chúng", rằng Diệm chỉ giao quyền hành cho những người thân trong gia đình ông ta, rằng ông ta đã tách rời với mọi người trong dân chúng do các chính sách đàn áp của ông" (2); Đồng thời để tạo cơ sở về mặt tổ chức cho chế độ,

*TS. Viện Sử học.

năm 1956, Diệm tổ chức ra Đảng Cần lao nhân vị và các tổ chức như: Phong trào cách mạng Quốc gia, Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ liên đới để tập hợp những phần tử phản động, những kẻ có hận thù với cách mạng.

Sau khi đã củng cố được sự kiểm soát đối với các giáo phái và quân đội, năm 1956 Diệm quyết định đánh vào đặc quyền đặc lợi dựa vào thực dân của cộng đồng người Trung Quốc ở miền Nam để kiểm soát và chiếm lĩnh những hoạt động kinh tế nhằm thu vén quyền lợi.

Một khi hệ thống quyền lực của Diệm đã được củng cố thành một bộ máy chính trị cá nhân toàn diện, Diệm tiến hành đàn áp lực lượng cách mạng là lực lượng đối kháng lớn mạnh nhất đang tồn tại ở khắp miền Nam, nhất là ở các tỉnh vùng tự do Liên khu V, Tây Nguyên và các chiến khu, căn cứ kháng chiến ở Nam Bộ.

Từ giữa năm 1955 đến giữa năm 1956, Mỹ - Diệm phát động chiến dịch "Tố cộng" giai đoạn I với những khẩu hiệu hành động như: "Tiêu diệt cộng sản tận gốc", "Thà giết nhầm còn hơn bỏ sót"... với một lực lượng lớn quân đội, cảnh sát và những tên tay sai ác ôn khét tiếng tiến hành liên tiếp các cuộc hành quân càn quét để lùng bắt, tàn sát những người yêu nước kháng chiến cũ, những người có cảm tình với cách mạng và cả những người bị chúng tình nghi. Có tới 100 đoàn gồm 3.986 "cán bộ" chuyên nghiệp và hơn một vạn "cán bộ" không chuyên nghiệp ở các cấp huyện, xã, khu phố phục vụ cho việc tố cộng (3). Khắp các tỉnh miền Nam ngập tràn không khí khủng bố, trong đó địa bàn các tỉnh Trung Bộ được chọn làm thí điểm để đánh phá các chiến dịch tố cộng mang tên Phan Châu Trinh (đầu năm 1955), chiến dịch Giải phóng đánh phá Quảng Ngãi, Bắc

Bình Định (giữa năm 1955), chiến dịch Trịnh Minh Thế đánh phá toàn bộ các tỉnh Khu V... Hàng vạn cán bộ, đảng viên và những người yêu nước bị giết hại và bị giam cầm. Trong cuốn sách "*Nước Mỹ và Đông Dương từ Ph. Rudoven đến R. Níchxon*", tác giả Pi-tơ A-Pu-lơ viết: "... Diệm đã mở một chiến dịch săn lùng những người lãnh đạo của Việt Minh - những người đã ở lại miền Nam sau khi hiệp ước ngừng bắn năm 1954 được ký kết. Khi chiến dịch kết thúc, rất nhiều người dân vô tội đã bị giết hại hoặc bị tống giam, trong lúc nhiều người khác nhà cửa bị phá hủy trong các trận "càn quét" tàn bạo của quân đội. Chính thức có khoảng 20.000 - 30.000 người "cộng sản" bị dồn vào các trại tập trung, mặc dù các nhà quan sát nước ngoài đến thăm các trại này đều đã đưa tin là hầu hết những người bị giam giữ đều không phải là cộng sản" (4).

Bị đàn áp, khủng bố và giết chóc, lại thêm chương trình cải cách điền địa của Diệm cướp không ruộng đất do cách mạng chia cho trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đã làm cho đời sống của người nông dân thêm cực khổ. Ngay cả tài liệu của địch cũng phải viết: "Chương trình cải cách điền địa của ông Diệm, đã không phân chia lại ruộng đất cho người nghèo mà rút cục chỉ lấy lại những thứ mà Việt Minh đã chia cho họ rồi trả về cho địa chủ" (5).

Từ tháng 7-1956 trở đi, Mỹ - Diệm tiếp tục chiến dịch "Tố cộng, diệt cộng" giai đoạn II mở các cuộc bao vây càn quét đánh vào các vùng căn cứ cách mạng, tại các vùng trọng điểm, chúng chà đi xát lại nhiều lần. Ở Trung Bộ, địch chuyển hướng tố cộng lên vùng rừng núi Khu V và Tây Nguyên. Tại đây, chúng chia từng ô làng xã, phân loại từng gia đình theo A,

B, C để dễ bề kìm kẹp, khống chế, gây nên không khí khủng bố hết sức căng thẳng. Tiếp theo đó, từ giữa năm 1957, địch triển khai kế hoạch lập các khu dinh điền, khu trừ mật, ban hành Luật đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật để thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ và để tự do vu cáo, giam cầm, bắn giết những người mà chúng cho là cộng sản mà không cần điều tra xét xử.

Tháng 5-1958, Chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành Luật 10/59, lập Tòa án lưu động, lê máy chém đi "xét xử" những người yêu nước với hai mức án là tử hình và khổ sai chung thân.

Cuối năm 1958, nhất là sang năm 1959, địch bắt đầu càn quét quy mô, lâu dài. Chúng không từ một thủ đoạn nào để đánh phá ta cả về quân sự, chính trị và kinh tế. Có nơi chúng đưa ra khẩu hiệu "bắt, bắn, đốt phá sạch". Mặt khác, tận dụng mọi sơ hở của ta để chia rẽ nhân dân, mua chuộc, dụ dỗ, bao vây kinh tế. Qua các cuộc càn quét của địch đã gây cho ta một số tổn thất về tính mạng và tài sản của nhân dân. Giáo sư sử học người Mỹ Gabriel Kolko viết trong cuốn "*Giải phẫu một cuộc chiến tranh*" rằng: "Tuy con số chính xác không biết được, một ước tính dè dặt đưa ra con số có 40.000 tù chính trị vào cuối năm 1958 và 12.000 bị giết trong các năm 1955-1957. Các báo chí bị đóng cửa và coi đó như việc bình thường. Một lớp sơn hợp pháp cho việc đàn áp đã được Sắc luật 47 tháng 8-1956 đưa ra và được củng cố trong Luật 10/59 tháng 5-1959 lên án rằng "người cộng sản" hoặc làm việc với một người cộng sản là phạm tội vô cùng tai hại" (6).

Do sự đàn áp, khủng bố hết sức dã man tàn bạo của Mỹ - Diệm, phong trào

cách mạng miền Nam gặp rất nhiều khó khăn, cơ sở cách mạng ở nhiều nơi bị tan vỡ và tổn thất nặng nề. Đến cuối năm 1957, ở các tỉnh đồng bằng Khu V, có đến 70% cấp ủy xã, 60% huyện ủy viên, 40% tỉnh ủy viên bị địch bắt và bị giết hại, 12 huyện không còn cơ sở đảng viên (7). Trong đó, huyện Trà Bồng cũng bị tổn thất khá nặng nề.

2. Củng cố xây dựng lực lượng, từng bước chuyển hướng từ đấu tranh chính trị sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang

Trước những hành động khủng bố của Mỹ - Diệm, nhân dân ta đã không ngừng vùng lên đấu tranh ngày càng quyết liệt. Từ giữa năm 1953 đến năm 1955, phong trào chủ yếu là đấu tranh chính trị như: đấu tranh đòi hiệp thương, chống trưng cầu dân ý, chống tố cộng, chống bầu cử quốc hội. Những cuộc đấu tranh về ruộng đất, về tự do dân chủ, về chống đói đã diễn ra nhưng không được chú ý bằng các cuộc đấu tranh chính trị.

Thậm chí, khi địch tập kết đến Quảng Ngãi, Đảng bộ địa phương chủ trương "hạ phong trào xuống sát đáy, tránh gây không khí căng thẳng, tạo quan hệ bình thường, tích cực về mặt tranh thủ địch..." (8). Quân chúng lúc này một mặt tiến hành công tác tranh thủ, mặt khác đưa ra những yêu sách dân sinh dân chủ, đấu tranh không cho giạt lại công điền, chống thu lúa, đòi bầu cử dân chủ chính quyền thôn xã dưới hình thức nhẹ nhàng như đề đạt nguyện vọng... Nhưng, lúc bấy giờ do địch tăng cường xây dựng cơ sở, bọn phản động địa phương ngóc đầu dậy, một số cán bộ, đảng viên cơ sở của ta bị bắt, bị giết hại, do đó có nơi quân chúng đã nổi dậy giết bọn phản động.

Từ cuối năm 1956, dựa theo tinh thần chỉ thị của Trung ương, đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình, khéo léo bảo tồn lực lượng, trường kỳ tồn tại, Khu ủy Khu V chỉ đạo Tỉnh lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh dân chủ dưới các hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, chủ yếu bằng hình thức hợp pháp. Khu ủy Khu V chủ trương chuyển thể chỉ đạo từ rừng núi về đóng ở đô thị và từ đô thị chỉ đạo nông thôn miền núi. Nhiều cán bộ, đảng viên ra hoạt động hợp pháp nhưng đã bị địch phát hiện bắt bớ, làm cho phong trào bị tổn thất. Do đó, Khu ủy Khu V lại phải chỉ đạo rút những cán bộ, đảng viên trở lại căn cứ.

Đứng trước tình hình khó khăn trên đây, quán triệt tinh thần chuyển hướng về đường lối và phương pháp cách mạng ở miền Nam của Nghị quyết Bộ Chính trị (tháng 6-1956) và chủ trương của Khu ủy Khu V, tháng 2-1958 Ban lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi họp tại trung tâm căn cứ Trà Bồng đã chủ trương gấp rút chuyển hướng phong trào, chuyển hướng các tổ chức lãnh đạo và tổ chức quần chúng cho phù hợp tình hình mới để đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đẩy mạnh công tác dân vận, công tác binh vận, địch vận, tranh thủ những người tầng lớp trên trong chính quyền của địch ở cơ sở.

Thực hiện chủ trương trên, công tác binh vận, địch vận được thực hiện tốt. Lực lượng dân vệ do địch tổ chức từ năm 1956 ở các thôn trong các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long thì chỉ "trừ số ít tên lưu manh, hám tiền, trai gái... phá phách ở những nơi cơ sở ta yếu, còn đại bộ phận do ta nắm, nhiều nơi họ trở thành những người đi nắm tình hình địch, bảo vệ cách mạng, có nơi dân vệ mang cả súng chạy theo cách mạng" (9).

Từ sau Nghị quyết tháng 5-1958 của Khu ủy Khu V chủ trương xây dựng căn cứ địa miền núi, xúc tiến thành lập lực lượng vũ trang, những khu bất hợp pháp đã được chuẩn bị để tạo cơ sở cho cơ quan lãnh đạo và làm chỗ dựa cho phong trào quần chúng. Đến năm 1959, những khu bất hợp pháp ở Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà được xây dựng thành những căn cứ cách mạng vững chắc đầu tiên của Khu V.

Ngày 7-7-1958, Đại hội nhân dân bốn dân tộc: Cor, Hrê, Cà Dong, Kinh ở Trà Bồng đã họp ở Gò Rô, xã Trà Phong với sự tham dự của gần 200 cán bộ và đại biểu của nhân dân huyện Trà Bồng. Đại hội thể hiện sự đoàn kết nhất trí quyết tâm đánh thắng Mỹ - Diệm của nhân dân các dân tộc. Tiếp sau Đại hội Gò Rô, nhiều hội nghị của các già làng thôn xóm, của thanh niên và cả những người làm trong ngục quyền được triệu tập để củng cố và phát triển mặt trận đoàn kết dân tộc trong cuộc đấu tranh.

Từ sau Đại hội Gò Rô, những hình thức đấu tranh mới như tổ chức tuần sừng, tráng đoàn đã xuất hiện bên cạnh những hình thức đấu tranh có tính chất tự vệ của quần chúng. Dựa vào sức mạnh chính trị của quần chúng và lợi dụng phong tục tập quán cổ truyền của đồng bào dân tộc như "tục trả đầu"... ta đã trừng trị những tên tay sai ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân, chống lại các hình thức đàn áp, khủng bố của địch làm cho bọn chúng phải run sợ, dè chừng. Các nhóm vũ trang tự vệ, đội vũ trang tuyên truyền với các hình thức tổ chức khác nhau, đều do cấp ủy đảng ở từng địa phương lãnh đạo. Các nhóm vũ trang tự vệ mang tên các già làng có uy tín, các nhân vật yêu nước có tên tuổi như "nhóm vũ trang tự vệ Vói - Quýt, Phó Nía ở Sơn Hà, nhóm vũ trang

tự vệ Cả Trưôm, Lang ở Trà Bông, nhóm vũ trang tự vệ Hoi, nhóm Chánh Khanh ở Ba Tơ..." (10).

Từ khi các tổ chức bất hợp pháp có tính chất vũ trang hoạt động trong các thôn xã đã làm tăng thêm khí thế đấu tranh của quần chúng. Tại các vùng trung tâm căn cứ thuộc các huyện Trà Bông, Sơn Hà, hoạt động của các nhóm vũ trang thanh niên được duy trì thường xuyên để canh gác thôn xóm, bảo vệ xóm làng, sẵn sàng tiêu diệt những tên ác ôn, thám báo, biệt kích xâm nhập vào căn cứ.

Như vậy, bên cạnh lực lượng chính trị của quần chúng đã xuất hiện các tổ chức bất hợp pháp có tính chất vũ trang là hình thức sơ khai của lực lượng vũ trang quần chúng. Điều đó đã làm tăng thêm sức mạnh đấu tranh bằng bạo lực của quần chúng, tăng thêm tính chất vừa đấu tranh chính trị vừa có sự vũ trang tự vệ của phong trào. Đây chính là nhân tố quan trọng để chuyển phong trào từ đấu tranh chính trị sang kết hợp song song đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Sự ra đời và hoạt động ngày càng mạnh mẽ của các nhóm vũ trang tự vệ là một trong những cơ sở quan trọng cho việc chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 3-3-1959, tại thôn Nước Xoay - Cà Nung, xã Trà Thọ, huyện Trà Bông, đơn vị 339 là đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi được thành lập. Thành phần gồm 33 người dân tộc Cor và 10 người dân tộc Kinh. Ngay sau khi thành lập, đơn vị 339 đã kết hợp việc xây dựng lực lượng với việc phân tán về các xã trọng điểm để phát động quần chúng đẩy mạnh công tác bảo vệ, từng bước chuẩn bị

tiến lên khởi nghĩa vũ trang. Có thể nói đến mùa Xuân năm 1959, Quảng Ngãi đã hoàn thành căn bản về mọi mặt cho việc tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

3. Khởi nghĩa Trà Bông và miền Tây Quảng Ngãi giành thắng lợi - Những bài học kinh nghiệm về phong trào đấu tranh của quần chúng

Trước những hoạt động mạnh mẽ của phong trào quần chúng đấu tranh và sự bao vây, uy hiếp của ta, chính quyền địch ở các thôn xã thuộc các huyện miền Tây Quảng Ngãi buộc phải co lại trong thế phòng ngự bị động "... địch phải bỏ các đồn bốt lẻ đóng sâu trong các xã rút về tập trung thành một số đồn lớn. Như ở Trà Bông chúng chỉ còn đóng 7 đồn" (11).

Ở các xã của các huyện miền Tây như Trà Bông, Sơn Hà, một số người như anh Di Bờ Rún, ông Vinh, chị Mí Long... đã tự động nổi dậy tiêu diệt bọn ác ôn để trả thù cho gia đình. Khắp mọi nơi quần chúng hừng hực khí thế đấu tranh, sẵn sàng chiến đấu, quyết không cam chịu cuộc sống bị áp bức như trước. Các đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác, các nhóm vũ trang của quần chúng cũng đi sâu vào các vùng địch kiểm soát, tiến công một số công sở của địch. Ở một số căn cứ cũ, quần chúng đã tự động nổi dậy phá khu đồn dân, chống địch càn quét, giành quyền làm chủ.

Tại các tỉnh Liên khu V, nhiều cuộc nổi dậy quyết liệt với những quy mô khác nhau để phá kìm kẹp, giành quyền làm chủ của nhân dân đã nổ ra. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh ở huyện Bắc Ái (tháng 2-1959) của nhân dân 11 làng trong hai xã Vĩnh Hiệp và Vĩnh Hảo, quận Vĩnh Thạnh, Bình

Định (tháng 2-1959) và cuộc nổi dậy của nhân dân làng Tà Boóc, tỉnh Kon Tum (tháng 4-1959)... Các cuộc đấu tranh này đã góp phần quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ phong trào khởi nghĩa từng phần ở miền núi Liên khu V mà nổi bật nhất là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Trong khi phong trào cách mạng miền Nam đang trên đà củng cố về thế và lực, nhân dân một số nơi đã sẵn sàng nổi dậy, đảng viên, cán bộ nằm vùng nóng lòng chờ đợi ý kiến của Đảng, thì ngày 13-1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và vạch đường lối cách mạng miền Nam. Nghị quyết xác định: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là con đường bạo lực. Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang, đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân" (12).

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, làm xoay chuyển tình thế dẫn đến phong trào khởi nghĩa từng phần và phong trào Đồng khởi vào cuối năm 1959 đầu năm 1960 ở miền Trung và miền Nam.

Tuy mãi đến những tháng cuối năm 1959, Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mới phổ biến đến các tỉnh Liên khu V và Nam Bộ, nhưng Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã sớm quán triệt chủ trương của Bộ Chính trị và

Trung ương Đảng về đấu tranh chống địch khủng bố, giữ gìn lực lượng cách mạng, từng bước chuyển hướng đấu tranh để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Do đó, ngay từ giữa năm 1959 "Trà Bồng đã có tổ chức Đảng ở cơ sở và huyện, có lực lượng chính trị mạnh, có tự vệ du kích rộng khắp, có bộ đội địa phương và có kế hoạch sẵn sàng khởi nghĩa. Đó là những điều kiện quan trọng cho phép nhân dân Trà Bồng tiến hành cuộc khởi nghĩa từng phần" (13).

Ngày 28-8-1959, nhân việc tẩy chay cuộc bầu cử quốc hội bù nhìn của Mỹ - Diệm, 16.000 đồng bào các dân tộc huyện Trà Bồng, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Trà Bồng và Tỉnh ủy Quảng Ngãi, được đơn vị vũ trang 339 hỗ trợ đã nổi dậy phá chính quyền của địch, diệt trừ gian ác, vũ trang toàn dân, bố phòng bất hợp tác chống địch, xây dựng quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ ngục quyền ở 16 xã (trừ một xã ở sát huyện lỵ) đều bị quét sạch, hàng trăm tên địch bị tiêu diệt, bị thương và bị bắt sống, 61 tên tề ngục ác ôn bị đền tội. Chính quyền cách mạng ở thôn xã được thành lập. Cuộc quật khởi vũ trang đó đã làm cho địch hết sức hốt hoảng, dồn sức lại đối phó hòng tiêu diệt phong trào. Liên tiếp trong vòng 6 tháng, địch huy động hàng trung đoàn, có lúc cả sư đoàn đánh phá rất ác liệt, nhưng nhân dân Trà Bồng đã anh dũng chống trả. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ địa phương, nhân dân đã phát huy mọi khả năng sáng tạo của mình trong việc dùng vũ khí thô sơ, tận dụng địa hình thuận lợi để chiến đấu chống lại kẻ địch đông, mạnh, hết sức tàn bạo và đã đánh

bại được quân địch, giữ vững thắng lợi, ổn định đời sống nhân dân.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng là một tiếng vang lớn đối với phong trào cách mạng Liên khu V, không những đối với miền núi, mà còn tác động đến tư tưởng quần chúng ở đồng bằng, đồng thời cũng là một bài học thực tiễn rất phong phú trong việc đánh giá địch, ta (nhược điểm của địch, khả năng chống địch quyết liệt của nhân dân ta) và vận dụng đường lối phương châm ở miền núi.

Cùng với cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, nhân dân các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long... đã đứng lên vũ trang chống địch càn quét, dồn dân, giành quyền làm chủ ở nhiều thôn xã. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là một cuộc khởi nghĩa lớn nhất, là dấu mốc lịch sử mở đầu trang sử kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, thể hiện sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc miền núi Liên khu V cuối năm 1959. Cuộc khởi nghĩa đã để lại một số bài học kinh nghiệm về phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân. Đó là:

- Phong trào quần chúng có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của phong trào cách mạng.

- Trong đấu tranh chính trị, hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp rất quan trọng, có điều kiện lôi cuốn được đông đảo quần chúng tham gia. Nhưng trong hoàn cảnh kẻ thù đàn áp, khủng bố dã man phong trào thì hình thức đấu tranh không hợp pháp có ý nghĩa thúc đẩy phong trào đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp và ngược lại.

- Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang của quần chúng; Xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang của quần chúng là một trong những nhân tố thúc đẩy phong trào phát triển.

- Đường lối lãnh đạo đúng đắn của các tổ chức Đảng cơ sở là sức mạnh to lớn để tập hợp quần chúng nổi dậy đấu tranh.

- Đoàn kết nhân dân trong một mặt trận chống kẻ thù chung là Mỹ - Diệm; Tranh thủ đoàn kết với các nhân vật lớp trên; Đồng thời phân hóa, cô lập, đánh đổ những phần tử đầu sỏ phản động tay sai của Mỹ - Diệm. Đó là thể hiện sự vận dụng linh hoạt, đúng đắn đường lối của Đảng vào từng hoàn cảnh cụ thể của các dân tộc miền núi ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Đó cũng là một trong những nguyên nhân thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.

CHÚ THÍCH

(1). Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, tập I. Việt Nam Thông tấn xã phát hành, 8-1971, tr. 33.

(2), (5). Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam... Sdd, tr. 72, 74.

(3). Trích dẫn theo Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập I. Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 262.

(4). Pitor A. Pulo: *Nước Mỹ và Đông Dương từ Ph. Rudoven đến R. Níchxon*. Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1987, tr. 40.

- (6). Gabriel Kolko: *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 138.
- (7). Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, tập I. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990, tr. 29.
- (8). Báo cáo bổ sung về phong trào quần chúng ở Liên khu V năm 1959. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng. Tài liệu đã dẫn, Đơn vị bảo quản 188.
- (9). Báo cáo tình hình Liên khu V năm 1960. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng... Tài liệu đã dẫn, Đơn vị bảo quản 189.
- (10). Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*,... Sđd, tr. 30.
- (11). Dẫn theo Phạm Thanh Biên, Nguyễn Hữu Nghĩa: *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 66.
- (12). Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước, tập I (1954-1975). Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 117.
- (13). Theo Cao Văn Lượng: *Lịch sử cách mạng miền Nam giai đoạn 1954-1960*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 134.

